



Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016



Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thông tin về Công ty

Các văn bản thành lập

Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 3 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) về việc chuyển đổi Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam sang hình thức công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0101447725 cấp lần đầu ngày 14 tháng 1 năm 2004 và thay đổi lần thứ 15 ngày 22 tháng 2 năm 2016.

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Quang Vinh	Chủ tịch
Ông Vũ Hồng Khánh	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Dũng	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Lăng	Ủy viên
Bà Nguyễn Thanh Huyền	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Hồng Khánh	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Khắc Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Quang	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/2/2016)

Trụ sở đăng ký

Tầng 20, Tòa nhà Mipecc Tower
Số 229 Tây Sơn, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 44 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Vũ Hồng Khánh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2017



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 6 đến trang 44.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh – số liệu so sánh

Chúng tôi không đưa ra ý kiến ngoại trừ nhưng lưu ý người đọc tới Thuyết minh 37 của báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đến việc số liệu so sánh tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được điều chỉnh lại.

Vấn đề khác – số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 1 tháng 1 năm 2016, không bao gồm các điều chỉnh được trình bày tại Thuyết minh 37 của báo cáo tài chính hợp nhất, được căn cứ trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và báo cáo tài chính đó đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác. Công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất đó trong báo cáo kiểm toán ngày 16 tháng 3 năm 2016.

Sau khi phát hành báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 nói trên, Công ty đã thực hiện điều chỉnh lại một số khoản mục trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo báo cáo kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước ngày 26 tháng 9 năm 2016. Các điều chỉnh này được trình bày trong Thuyết minh 37(a).



Trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, chúng tôi đã kiểm toán các điều chỉnh được trình bày tại Thuyết minh 37(b) đã được áp dụng điều chỉnh hồi tố các số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015, ngày 1 tháng 1 năm 2016 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Chúng tôi không được chỉ định kiểm toán, soát xét hay thực hiện bất kỳ thủ tục nào đối với báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 (mà từ đó các số liệu so sánh này được trích ra), ngoài các thủ tục kiểm toán đối với các điều chỉnh trình bày tại Thuyết minh 37(b) của báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Do vậy, chúng tôi không đưa ra ý kiến hay bất kỳ hình thức đảm bảo nào đối với các báo cáo tài chính đó. Tuy nhiên, theo ý kiến của chúng tôi, các điều chỉnh được trình bày trong Thuyết minh 37(b) là phù hợp và đã được áp dụng đúng.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-02-174-KT-HN



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2017

Trương Tuyết Mai

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 2594-2014-007-1

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.189.063.573.307	868.612.717.173
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	60.349.158.480	55.824.604.848
Tiền	111		60.349.158.480	47.305.438.181
Các khoản tương đương tiền	112		-	8.519.166.667
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		702.610.000.000	412.610.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121	5(a)	2.610.000.000	2.610.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(b)	700.000.000.000	410.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		278.566.755.784	257.846.479.477
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	234.865.984.339	226.070.962.025
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		9.622.416.765	10.264.744.642
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	44.887.257.017	36.140.382.476
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(10.808.902.337)	(14.629.609.666)
Hàng tồn kho	140	9	124.195.026.915	126.887.073.553
Hàng tồn kho	141		126.297.927.214	131.856.649.133
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.102.900.299)	(4.969.575.580)
Tài sản ngắn hạn khác	150		23.342.632.128	15.444.559.295
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.266.658.724	860.528.849
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		19.561.910.893	14.294.480.211
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16(b)	1.514.062.511	289.550.235

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		789.094.967.721	1.148.918.389.813
Các khoản phải thu dài hạn	210		799.631.178	947.589.259
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	634.081.770	781.791.259
Phải thu dài hạn khác	216		165.549.408	165.798.000
Tài sản cố định	220		433.718.562.532	401.627.743.056
Tài sản cố định hữu hình	221	10	387.715.210.163	368.809.197.857
Nguyên giá	222		770.150.257.395	703.622.021.148
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(382.435.047.232)	(334.812.823.291)
Tài sản cố định vô hình	227	11	46.003.352.369	32.818.545.199
Nguyên giá	228		57.420.473.592	43.248.828.051
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.417.121.223)	(10.430.282.852)
Bất động sản đầu tư	230	12	7.556.477.873	7.739.071.205
Nguyên giá	231		9.043.165.265	9.043.165.265
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.486.687.392)	(1.304.094.060)
Tài sản dở dang dài hạn	240		5.742.178.561	19.841.624.864
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	5.742.178.561	19.841.624.864
Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	397.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5(b)	-	397.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		341.278.117.577	321.762.361.429
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	334.183.405.913	315.158.824.186
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		7.094.711.664	6.603.537.243
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.978.158.541.028	2.017.531.106.986

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.245.733.548.230	1.385.702.913.831
Nợ ngắn hạn	310		1.084.472.461.506	1.229.384.018.742
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	154.540.716.142	159.749.395.291
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6.951.406.967	5.335.648.534
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16(a)	10.399.321.493	7.511.942.030
Phải trả người lao động	314		59.046.162.227	32.639.466.846
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		3.823.300.416	9.020.394.478
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	672.081.138
Phải trả ngắn hạn khác	319	17(a)	14.022.812.587	74.492.984.091
Vay ngắn hạn	320	18	812.228.614.360	924.162.060.381
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		20.208.616.777	14.000.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	3.251.510.537	1.800.045.953
Nợ dài hạn	330		161.261.086.724	156.318.895.089
Phải trả dài hạn khác	337	17(b)	161.261.086.724	156.318.895.089
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		732.424.992.798	631.828.193.155
Vốn chủ sở hữu	410	20	732.424.992.798	631.828.193.155
Vốn cổ phần	411	21	603.426.380.000	603.426.380.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		603.426.380.000	603.426.380.000
Cổ phiếu quỹ	415	21	(49.700.000)	(49.700.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	20.254.199.280	2.928.463.221
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		94.743.410.308	19.558.442.379
- Lũy kế năm trước	421a		(8.291.987.399)	(8.265.807.218)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		103.035.397.707	27.824.249.597
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		14.050.703.210	5.964.607.555
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.978.158.541.028	2.017.531.106.986

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Phan Quang Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đỗ Thị Vân Chi
Trưởng phòng Kế toán Tài chính



Vũ Hồng Khánh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016****Mẫu B 02 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	2.402.576.488.601	2.589.605.258.956
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	24.004.726.520	19.631.722.262
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	25	2.378.571.762.081	2.569.973.536.694
Giá vốn hàng bán	11	26	1.782.277.689.476	2.057.123.514.960
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		596.294.072.605	512.850.021.734
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	49.227.347.123	48.203.782.366
Chi phí tài chính	22	28	44.433.494.553	39.944.910.429
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>43.594.673.550</i>	<i>36.915.257.949</i>
Chi phí bán hàng	25	29	334.875.496.944	292.791.405.498
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	131.326.616.855	117.819.244.198
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	30		134.885.811.376	110.498.243.975
Thu nhập khác	31		6.989.900.641	15.307.451.256
Chi phí khác	32		1.523.280.003	2.221.794.441
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		5.466.620.638	13.085.656.815

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 02 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		140.352.432.014	123.583.900.790
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	28.613.683.603	28.952.532.134
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	32	(491.174.421)	(627.704.630)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		112.229.922.832	95.259.073.286
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		103.035.397.707	88.165.229.597
Cổ đông không kiểm soát	62		9.194.525.125	7.093.843.689
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	1.708	1.541

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người lập:

Phan Quang Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Đỗ Thị Vân Chi
Trưởng phòng Kế toán Tài chínhVũ Hồng Khánh
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	140.352.432.014	123.583.900.790
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	60.166.520.982	48.267.372.646
Các khoản dự phòng	03	(478.765.833)	(23.142.101.053)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	100.195.137	730.606.123
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(48.855.149.938)	(47.540.431.049)
Chi phí lãi vay	06	43.594.673.550	36.915.257.949
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	194.879.905.912	138.814.605.406
Biến động các khoản phải thu	09	(12.150.214.313)	22.512.659.575
Biến động hàng tồn kho	10	5.558.721.919	(19.199.984.647)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	28.082.250.393	132.139.481.156
Biến động chi phí trả trước	12	(17.858.283.037)	(16.619.544.802)
		198.512.380.874	257.647.216.688
Tiền lãi vay đã trả	14	(42.825.457.763)	(37.087.083.716)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(27.701.006.331)	(28.860.688.806)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	37.671.433.341
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(9.769.503.492)	(9.419.102.208)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	118.216.413.288	219.951.775.299

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(81.562.626.841)	(132.929.754.322)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	1.262.874.461	2.384.306.539
Tiền gửi có kỳ hạn	23	(323.000.000.000)	(930.000.000.000)
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn	24	430.000.000.000	872.068.000.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	21.487.557.661
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	37.513.833.388	35.869.063.014
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	64.214.081.008	(131.120.827.108)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	1.812.405.819.285	1.967.313.581.267
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.924.339.265.306)	(2.110.348.592.117)
Tiền trả cổ tức	36	(65.972.421.640)	(60.338.502.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(177.905.867.661)	(203.373.513.650)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	4.524.626.635	(114.542.565.459)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	55.824.604.848	170.367.170.307
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(73.003)	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	60.349.158.480	55.824.604.848

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Phan Quang Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đỗ Thị Vân Chi
Trưởng phòng Kế toán Tài chính



Vũ Hồng Khánh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (“Tổng Công ty”) tiền thân là Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước, sau đó được chuyển sang hình thức Công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 3 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần là ngày 1 tháng 1 năm 2004 theo Quyết định phê duyệt số 5786 TC/TCĐN ngày 21 tháng 5 năm 2004 của Bộ Tài chính. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0101447725, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 22 tháng 2 năm 2016 với số vốn điều lệ là 603.426.380.000 VND.

Công ty được cấp Giấy phép niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 65/UBCK-GPNY ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 24 tháng 11 năm 2006, cổ phiếu của Tổng Công ty chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PGC.

Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, nắm giữ 52,37% vốn điều lệ.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm xuất nhập khẩu và kinh doanh gas hóa lỏng; kinh doanh kho bãi, vận tải, vật tư thiết bị, phụ kiện; tư vấn đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến phục vụ kinh doanh gas theo quy định của pháp luật; dịch vụ thương mại; kinh doanh địa ốc và bất động sản; nạp khí dầu mỏ hóa lỏng vào chai (vỏ bình gas); và kiểm định, bảo dưỡng các loại vỏ bình gas.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty có 6 công ty con (1/1/2016: 6 công ty con) như sau:

	Hoạt động chính	Địa chỉ	% sở hữu và % quyền biểu quyết
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	Kinh doanh gas hóa lỏng	TP. Hồ Chí Minh	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	Kinh doanh gas hóa lỏng	Đà Nẵng	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	Kinh doanh gas hóa lỏng	Hải Phòng	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	Kinh doanh gas hóa lỏng	Hà Nội	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	Kinh doanh gas hóa lỏng	Cần Thơ	100%
Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG	Sản xuất, sửa chữa, lắp đặt bình gas	TP. Hồ Chí Minh	51%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty và các công ty con có 1.058 nhân viên (1/1/2016: 937 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tổng Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng công ty tại đơn vị nhận đầu tư.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) hoặc bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) *Khấu hao*

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 30 năm
▪ Máy móc, thiết bị	6 - 10 năm
▪ Phương tiện vận chuyển	8 - 10 năm
▪ Dụng cụ quản lý	3 - 6 năm
▪ Tài sản khác	3 - 5 năm

(h) *Tài sản cố định vô hình*

(i) *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất phản ánh quyền sử dụng đất cho các lô đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm. Không tính khấu hao cho các lô đất mà Tổng Công ty và các công ty con có quyền sử dụng đất vô thời hạn.

(ii) *Phần mềm máy vi tính*

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 4 đến 10 năm.

(i) *Bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Quyền sử dụng đất	48 năm
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	48 năm

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Vở bình gas

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng hướng dẫn tại Thông tư 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính và Công văn hướng dẫn số 7640/CV-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2005 và số 7776/BTC-TCT ngày 2 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ tài chính và thuế đối với doanh nghiệp kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai” trong việc ghi nhận và phân bổ giá trị vở bình gas và các khoản ký quỹ, ký cược vở bình gas được nhận. Theo đó, vở bình gas được ghi nhận theo giá gốc ban đầu và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 5 đến 10 năm.

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 488 tháng.

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(n) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(o) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vô bình gas

Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vô bình gas được phân bổ từ số tiền ký cược, ký quỹ giá trị vô bình gas nhận được từ khách hàng. Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vô bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính.

(v) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vi) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và trong năm kết thúc cùng ngày, Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, do vậy việc trình bày lãi trên cổ phiếu suy giảm không áp dụng.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh gas hóa lỏng và một khu vực địa lý là Việt Nam do các điều kiện kinh tế, chính trị và pháp luật là tương tự như nhau.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(u) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ của Tổng Công ty (Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tiền mặt	5.802.134.237	3.420.564.934
Tiền gửi ngân hàng	54.547.024.243	43.884.873.247
Các khoản tương đương tiền	-	8.519.166.667
	<hr/>	<hr/>
	60.349.158.480	55.824.604.848

5. Các khoản đầu tư tài chính**(a) Chứng khoán kinh doanh**

	Số lượng	31/12/2016 và 1/1/2016		Dự phòng giảm giá VND Đã điều chỉnh lại
		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	
Cổ phiếu				
Tổng Công ty Dệt may Hà Nội	100.000	2.610.000.000	(*)	-

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Giá gốc và giá trị hợp lý	
	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	700.000.000.000	410.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	-	397.000.000.000

6. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Ngắn hạn	234.865.984.339	226.070.962.025
Dài hạn	634.081.770	781.791.259
	235.500.066.109	226.852.753.284

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	51.118.953.527	48.690.181.419

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn phải thu là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Lãi tiền gửi	35.578.533.334	23.955.686.110
Phải thu người lao động	4.923.322.693	2.549.926.850
Phải thu khác	4.385.400.990	9.634.769.516
	44.887.257.017	36.140.382.476

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTPC

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2016			1/1/2016				
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH ITG - Phong Phú	Trên 4 năm	2.467.346.164	(2.467.346.164)	(*)	Trên 3 năm	2.467.346.164	(2.467.346.164)	(*)
Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng KJ	Trên 4 năm	1.751.495.029	(1.751.495.029)	(*)	Trên 3 năm	1.741.279.997	(1.741.279.997)	(*)
Công ty/TNHH Sản xuất Xích chuyên dụng Việt Nam	Trên 4 năm	1.242.815.533	(1.242.815.533)	(*)	Trên 3 năm	1.242.815.533	(1.242.815.533)	(*)
Công ty Cổ phần Cơ khí Chính xác Vinashin	-	-	-	-	Trên 3 năm	1.510.748.093	(1.510.748.093)	(*)
Khác	11.002.027.846	(5.347.245.611)	(*)		15.091.385.951	(7.667.419.879)	(*)	(*)
		16.463.684.572	(10.808.902.337)	(*)		22.053.575.738	(14.629.609.666)	(*)
<i>Trong đó:</i>								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			(10.808.902.337)				(14.629.609.666)	

(*) Tổng Công ty và các công ty con chưa xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu và nợ khó đòi này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị có thể thu hồi. Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu và nợ khó đòi này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Hàng tồn kho**

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	19.664.296.281	-	2.896.086.583	-
Nguyên vật liệu	52.089.810.613	(2.102.900.299)	59.247.515.651	(2.111.112.667)
Công cụ và dụng cụ	225.890.000	-	1.154.943.741	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.390.265.443	-	4.832.278.320	-
Thành phẩm	7.680.647.006	-	1.889.567.104	-
Hàng hóa	40.247.017.871	-	61.836.257.734	(2.858.462.913)
	<u>126.297.927.214</u>	<u>(2.102.900.299)</u>	<u>131.856.649.133</u>	<u>(4.969.575.580)</u>

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có 3.004 triệu VND nguyên vật liệu (1/1/2016: 19.112 triệu VND nguyên vật liệu và hàng hóa) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	426.159.650.351	192.029.873.601	72.145.022.368	10.486.131.812	2.801.343.016	703.622.021.148
Tăng trong năm	3.375.074.770	3.605.900.218	9.019.533.900	394.499.330	-	16.395.008.218
Chuyển từ xây dựng cơ bản dờ đang (Thuyết minh 13)	10.291.941.432	34.336.997.207	14.666.416.486	-	547.947.915	59.843.303.040
Thanh lý	(3.165.118.667)	(1.515.711.589)	(4.376.072.457)	-	(264.325.354)	(9.321.228.067)
Khác	(388.846.944)	-	-	-	-	(388.846.944)
Số dư cuối năm	436.272.700.942	228.457.059.437	91.454.900.297	10.880.631.142	3.084.965.577	770.150.257.395
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	184.669.256.480	92.300.299.857	48.470.999.998	7.320.064.214	2.052.202.742	334.812.823.291
Khấu hao trong năm	20.432.160.179	25.755.961.492	7.096.699.788	1.949.737.999	193.290.895	55.427.850.353
Thanh lý	(2.487.370.832)	(1.363.123.395)	(3.705.953.711)	-	(220.374.994)	(7.776.822.932)
Khác	(28.803.480)	-	-	-	-	(28.803.480)
Số dư cuối năm	202.585.242.347	116.693.137.954	51.861.746.075	9.269.802.213	2.025.118.643	382.435.047.232
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	241.490.393.871	99.729.573.744	23.674.022.370	3.166.067.598	749.140.274	368.809.197.857
Số dư cuối năm	233.687.458.595	111.763.921.483	39.593.154.222	1.610.828.929	1.059.846.934	387.715.210.163

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 67.029 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 76.350 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 9.334 triệu VND (1/1/2016: Không) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 18).

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	32.697.252.415	10.551.575.636	43.248.828.051
Tăng trong năm	2.191.582.091	-	2.191.582.091
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 13)	11.980.063.450	-	11.980.063.450
Số dư cuối năm	46.868.897.956	10.551.575.636	57.420.473.592
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.943.724.026	8.486.558.826	10.430.282.852
Khấu hao trong năm	115.022.988	871.815.383	986.838.371
Số dư cuối năm	2.058.741.014	9.358.380.209	11.417.121.223
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	30.753.528.389	2.065.016.810	32.818.545.199
Số dư cuối năm	44.810.156.942	1.193.195.427	46.003.352.369

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Bất động sản đầu tư****Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và cuối năm	6.957.405.470	2.085.759.795	9.043.165.265
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	950.790.001	353.304.059	1.304.094.060
Khấu hao trong năm	139.140.000	43.453.332	182.593.332
Số dư cuối năm	1.089.930.001	396.757.391	1.486.687.392
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	6.006.615.469	1.732.455.736	7.739.071.205
Số dư cuối năm	5.867.475.469	1.689.002.404	7.556.477.873

Bất động sản đầu tư bao gồm một phần giá trị quyền sử dụng đất có thời gian khấu hao là 50 năm và giá trị xây lắp đã hoàn thành của cao ốc văn phòng tại địa chỉ 322 Điện Biên Phủ, Thành phố Hồ Chí Minh có thời gian khấu hao trong 48 năm tương ứng với diện tích Tổng Công ty đang cho thuê hoặc nắm giữ để cho thuê.

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tổng Công ty và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***13. Xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại
Số dư đầu năm	19.841.624.864	7.528.990.855
Tăng trong năm	57.723.920.187	47.960.793.501
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 10)	(59.843.303.040)	(35.648.159.492)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 11)	(11.980.063.450)	-
Số dư cuối năm	5.742.178.561	19.841.624.864

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại
Hệ thống nạp gas bình	5.070.999.000	-
Công trình văn phòng Cần Thơ	144.378.182	144.378.182
Công trình văn phòng LPG Hà Nội	238.348.428	-
Công trình mở rộng kho Đình Vũ di dời Thượng Lý	-	11.014.302.863
Công trình bồn LPG Đà Nẵng	-	2.107.660.702
Máy móc chưa lắp đặt	-	5.580.000.000
Khác	288.452.951	995.283.117
Số dư cuối năm	5.742.178.561	19.841.624.864

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Vỏ bình gas VND	Chi phí đất trả trước VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm - đã điều chỉnh lại	270.473.666.515	24.246.818.684	20.438.338.987	315.158.824.186
Tăng trong năm	60.472.847.187	6.141.667.491	11.720.940.448	78.335.455.126
Phân bổ trong năm	(45.623.753.755)	(3.569.238.926)	(10.117.880.718)	(59.310.873.399)
Số dư cuối năm	285.322.759.947	26.819.247.249	22.041.398.717	334.183.405.913

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Phải trả người bán ngắn hạn****(a) Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	21.281.227.243	53.150.450.775
Công ty TNHH EI Corporation	38.860.881.275	64.072.648.489
PTT International Trading PTE Ltd	33.428.547.027	-
SK Gas Co., Ltd	27.215.846.715	-
Các nhà cung cấp khác	33.754.213.882	42.526.296.027
	154.540.716.142	159.749.395.291

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	5.977.141.760	2.505.675.314

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn phải trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

16. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại	Số phát sinh trong năm VND	Số bù trừ/ đã nộp trong năm VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	358.096.546	629.503.900.971	(627.526.468.129)	2.335.529.388
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.714.659.950	28.513.184.449	(27.701.006.331)	7.526.838.068
Thuế thu nhập cá nhân	439.185.534	1.547.119.983	(1.449.351.480)	536.954.037
Các loại thuế khác	-	4.501.969.592	(4.501.969.592)	-
	7.511.942.030	664.066.174.995	(661.178.795.532)	10.399.321.493

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2016 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	100.499.154	(100.499.154)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	189.051.081	(3.133.946.803)	3.477.015.524	532.119.802
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	(79.640.859.943)	80.306.046.939	665.186.996
Thuế xuất nhập khẩu	-	(37.945.906.970)	38.262.662.683	316.755.713
	289.550.235	(120.821.212.870)	122.045.725.146	1.514.062.511

17. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	1.605.023.367	1.362.377.030
Cổ tức phải trả	287.164.820	66.259.586.460
Chi phí thuê dùng chung kho bãi	5.996.686.954	-
Lãi vay phải trả	769.215.787	-
Phải trả khác	5.364.721.659	6.871.020.601
	14.022.812.587	74.492.984.091

(b) Phải trả dài hạn khác

Phải trả dài hạn khác phản ánh số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng. Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vỏ bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***18. Vay ngắn hạn**

	1/1/2016	Biến động trong năm		31/12/2016
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	924.162.060.381	1.812.405.819.285	(1.924.339.265.306)	812.228.614.360

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	VND	85.382.360.042	82.014.009.427
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ii)	VND	148.483.479.605	140.177.681.147
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (iii)	VND	261.945.043.934	200.419.590.420
Ngân hàng TMCP Quân đội (iv)	VND	56.957.033.131	148.181.164.015
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (v)	VND	104.650.146.128	250.020.251.085
Ngân Hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (vi)	VND	151.810.551.520	-
Ngân hàng TM Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (vii)	VND	2.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (viii)	VND	1.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	VND	-	103.349.364.287
		812.228.614.360	924.162.060.381

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/1230718/HĐTĐ ký ngày 26 tháng 5 năm 2016. Mục đích sử dụng khoản vay này là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi cho vay được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Tiền lãi sẽ được thanh toán vào cuối kỳ trên cơ sở định kỳ hàng tháng bằng cách khấu trừ vào tài khoản tiền gửi thanh toán của bên vay mở tại ngân hàng. Khoản vay này được đảm bảo theo hình thức tín chấp.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa theo Hợp đồng tín dụng số 162/2016-HĐTĐHM/NHCT126 ký ngày 19 tháng 10 năm 2016. Khoản vay này có thể giải ngân bằng Đồng Việt Nam (“VND”) hoặc Đô la Mỹ (“USD”). Mục đích sử dụng của khoản vay này là bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi cho vay áp dụng quy định trên từng Giấy nhận nợ. Lãi thanh toán vào ngày 25 hàng tháng. Gốc trả được quy định trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng số KHPGC160108/HĐCTD.VCB ký ngày 1 tháng 12 năm 2016. Khoản vay này có thể giải ngân bằng VND hoặc USD. Mục đích sử dụng của khoản vay này là bổ sung vốn lưu động, tài trợ thương mại và các mục đích khác không trái với quy định của pháp luật. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Lãi trả vào ngày 25 hàng tháng. Thời hạn cấp tín dụng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho tới hết ngày 1 tháng 12 năm 2017. Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội theo Phụ lục số 9877.15.057.747309.TD.PL01 ngày 5 tháng 4 năm 2016 của Hợp đồng số 9877.15.057.747309.TD ký ngày 30 tháng 10 năm 2015. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động, mở L/C, phát hành bảo lãnh thanh toán phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh khí hóa lỏng và các mục đích khác nếu được Ngân hàng chấp thuận bằng văn bản trước thời điểm giải ngân của khoản vay hoặc mở thư tín dụng L/C có liên quan. Lãi cho vay và thời gian trả gốc áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ, ngày trả lãi là ngày 27 hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.
- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Hội sở chính theo Hợp đồng số 108.1465/2016/HĐTDHM-DN/PGBankHN ký ngày 23 tháng 3 năm 2016. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.
- (vi) Khoản vay Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng số VHN 150784 ký ngày 7 tháng 4 năm 2015. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.
- (vii) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 0213/KHDN1/16NH ký ngày 15 tháng 12 năm 2016. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động cho công ty. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ, tính lãi hàng tháng vào ngày 26, thời hạn vay 4 tháng. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản cố định có giá trị còn lại là 9.334 triệu VND (Thuyết minh 10).
- (viii) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng số 441.0110/2016/HĐTDHM-PN/PGB.SG ký ngày 21 tháng 12 năm 2016. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động cho công ty. Lãi suất được điều chỉnh 3 tháng một lần, tính lãi hàng tháng vào ngày 26, thời hạn vay 6 tháng. Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2016	2015
	VND	VND
Số dư đầu năm	1.800.045.953	2.358.067.977
Trích lập trong năm (Thuyết minh 20)	11.220.968.076	10.887.331.165
Sử dụng trong năm	(9.769.503.492)	(11.445.353.189)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	3.251.510.537	1.800.045.953

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2015	502.875.030.000	7.302.550.000	(49.700.000)	82.183.256.930	24.167.807.523	12.236.743.236	628.715.687.689
- đã báo cáo trước đây	-	-	-	-	(7.714.776.556)	(7.412.236.298)	(15.127.012.854)
<i>Điều chỉnh sai sót các năm trước (Thuyết minh 37)</i>							
Số dư tại ngày 1/1/2015	502.875.030.000	7.302.550.000	(49.700.000)	82.183.256.930	16.453.030.967	4.824.506.938	613.588.674.835
- đã điều chỉnh lại	100.551.350.000	(7.302.550.000)	-	(93.248.800.000)	-	-	-
Tăng vốn	-	-	-	-	88.165.229.597	7.093.843.689	95.259.073.286
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	13.994.006.291	(13.994.006.291)	-	-
- đã điều chỉnh lại	-	-	-	-	(10.724.831.894)	(162.499.271)	(10.887.331.165)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	(60.340.980.000)	(5.791.243.801)	(66.132.223.801)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 1/1/2016	603.426.380.000	-	(49.700.000)	2.928.463.221	19.558.442.379	5.964.607.555	631.828.193.155
- đã điều chỉnh lại	-	-	-	-	103.035.397.707	9.194.525.125	112.229.922.832
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	17.325.736.059	(17.325.736.059)	-	-
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	(10.524.693.719)	(696.274.357)	(11.220.968.076)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	-	-	(412.155.113)	(412.155.113)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2016	603.426.380.000	-	(49.700.000)	20.254.199.280	94.743.410.308	14.050.703.210	732.424.992.798

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2016 và 1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	60.342.638	603.426.380.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	60.342.638	603.426.380.000
Cổ phiếu quỹ Cổ phiếu phổ thông	(3.353)	(49.700.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	60.339.285	603.376.680.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2016		2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	60.342.638	603.426.380.000	50.287.503	502.875.030.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	-	-	10.055.135	100.551.350.000
Số dư cuối năm	60.342.638	603.426.380.000	60.342.638	603.426.380.000

22. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

23. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 14 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã phê duyệt việc phân phối khoản cổ tức 60.341 triệu VND (2015: 60.341 triệu VND). Khoản cổ tức này đã được tạm ứng cho các cổ đông của Tổng Công ty theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 45/NQ-CHP ngày 26 tháng 11 năm 2015.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Gas giữ hộ bên thứ ba	475.739.929	496.400.000

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ (“USD”)	940,51	21.388.606	953,99	21.440.846
Euro (“EUR”)	190,85	4.530.206	201,77	4.887.190
		<u>25.918.812</u>		<u>26.328.036</u>

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2016 VND	2015 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	2.354.519.683.186	2.547.432.659.299
▪ Cung cấp dịch vụ	17.068.237.960	13.567.923.664
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	3.518.773.774	4.152.502.995
▪ Phân bổ tiền ký cược, ký quỹ vỏ bình gas	27.469.793.681	24.452.172.998
	<u>2.402.576.488.601</u>	<u>2.589.605.258.956</u>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(19.432.887.885)	(16.322.144.655)
▪ Hàng bán bị trả lại	(4.571.838.635)	(3.309.577.607)
	<u>(24.004.726.520)</u>	<u>(19.631.722.262)</u>
Doanh thu thuần	<u>2.378.571.762.081</u>	<u>2.569.973.536.694</u>

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***26. Giá vốn hàng bán**

	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Bán hàng	1.770.438.910.521	2.042.958.888.999
▪ Cung cấp dịch vụ	12.374.159.838	9.014.042.891
▪ Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư cho thuê	2.331.294.398	2.907.549.892
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.866.675.281)	2.243.033.178
	<hr/> 1.782.277.689.476	<hr/> 2.057.123.514.960 <hr/>

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	2016 VND	2015 VND
Lãi tiền gửi	49.036.680.612	46.491.704.522
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	5.786.250
Lãi bán hàng trả chậm	90.666.511	-
Cổ tức được chia	100.000.000	100.000.000
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	1.606.291.594
	<hr/> 49.227.347.123	<hr/> 48.203.782.366 <hr/>

28. Chi phí tài chính

	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
Chi phí lãi vay	43.594.673.550	36.915.257.949
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	738.625.866	11.008.768.401
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	100.195.137	730.606.123
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	-	(8.731.305.687)
Chi phí tài chính khác	-	21.583.643
	<hr/> 44.433.494.553	<hr/> 39.944.910.429 <hr/>

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***29. Chi phí bán hàng**

	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
Chi phí nhân viên	89.960.550.182	65.841.736.147
Chi phí khấu hao	3.601.228.045	3.343.566.414
Chi phí phân bổ vô hình gas	45.623.753.755	44.537.417.354
Chi phí dịch vụ mua ngoài	89.454.254.835	91.821.401.819
Chi phí khác	106.235.710.127	87.247.283.764
	<hr/> 334.875.496.944	<hr/> 292.791.405.498 <hr/>

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
Chi phí nhân viên	72.010.919.436	48.548.771.010
Chi phí khấu hao	6.742.787.903	10.105.219.529
Dự phòng phải thu khó đòi	(3.820.707.329)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.129.968.180	29.163.191.789
Chi phí bằng tiền khác	32.263.648.665	30.002.061.870
	<hr/> 131.326.616.855	<hr/> 117.819.244.198 <hr/>

31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	186.802.702.265	83.835.465.294
Chi phí nhân viên	209.346.137.707	159.754.776.570
Chi phí khấu hao	60.166.520.982	48.267.372.646
Chi phí dịch vụ mua ngoài	160.123.164.501	189.759.112.883
Chi phí khác	193.336.776.321	94.458.383.326
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***32. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	28.972.548.976	28.558.144.142
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những năm trước	(358.865.373)	394.387.992
	<hr/> 28.613.683.603	<hr/> 28.952.532.134
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(491.174.421)	(627.704.630)
	<hr/> 28.122.509.182	<hr/> 28.324.827.504

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận kế toán trước thuế	140.352.432.014	123.583.900.790
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	28.070.486.403	27.188.458.174
Thu nhập không chịu thuế	(20.000.000)	(22.000.000)
Chi phí không được khấu trừ thuế	430.888.152	763.981.338
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những năm trước	(358.865.373)	394.387.992
	<hr/> 28.122.509.182	<hr/> 28.324.827.504

(c) Thuế suất áp dụng

Từ năm 2016, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% (2015: 22%) trên lợi nhuận tính thuế.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 103.035.397.707 VND (2015 (đã điều chỉnh lại): 88.165.229.597 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 60.339.285 cổ phiếu (2015: 57.229.678 cổ phiếu).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi do do Đại hội đồng Cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích vào quỹ này cho năm tiếp theo. Nếu Tổng Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2016 VND	2015 VND
Các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		
Bán hàng hóa	670.992.596.910	567.413.788.261

35. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	2016 VND	2015 VND
Nguyên giá tài sản cố định mua trong năm chưa thanh toán	2.157.760.023	8.149.022.059

36. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Cổ tức công bố sau khi kết thúc kỳ kế toán năm

Sau khi kết thúc kỳ kế toán năm, tại cuộc họp ngày 24 tháng 2 năm 2017, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức năm 2016 bằng tiền mặt tương ứng 12% vốn cổ phần (1.200 VND trên một cổ phiếu). Số cổ tức phải trả chưa được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này.

37. Số liệu so sánh

(a) Điều chỉnh theo kết quả của Kiểm toán Nhà nước

Ngày 26 tháng 9 năm 2016, Kiểm toán Nhà nước đã công bố kết quả kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công ty và các công ty con cho năm 2015, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và báo cáo kết quả kinh doanh cho năm kết thúc cùng ngày. Báo cáo của Kiểm toán Nhà nước có nêu một số khác biệt so với số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán bởi kiểm toán độc lập của Tổng Công ty. Tổng Công ty đã thực hiện điều chỉnh lại một số khoản mục trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo báo cáo kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

(b) Điều chỉnh sai sót các năm trước liên quan đến hợp nhất báo cáo tài chính

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã nhận thấy trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất cho các năm trước, lợi nhuận chưa thực hiện liên quan đến các giao dịch Tổng Công ty mua vỏ bình gas từ một công ty con chưa được loại trừ hoàn toàn.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã xác định đây là sai sót cần điều chỉnh hồi tố. Theo đó, một số khoản mục trong bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 1 tháng 1 năm 2016, trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, trong báo cáo lưu chuyển tiền hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và số dư Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hợp nhất tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 tại Thuyết minh 20 đã được điều chỉnh lại.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

(i) Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	1/1/2016			
	Theo báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước VND (a)	Điều chỉnh sai sót năm trước VND (b)	Đã điều chỉnh lại VND
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(1.610.000.000)	1.610.000.000	-	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	16.402.744.642	(6.138.000.000)	-	10.264.744.642
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(14.736.459.960)	106.850.294	-	(14.629.609.666)
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	13.736.480.211	558.000.000	-	14.294.480.211
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	302.841.075	(13.290.840)	-	289.550.235
Xây dựng cơ bản dở dang	14.261.624.864	5.580.000.000	-	19.841.624.864
Chi phí trả trước dài hạn	339.539.545.092	-	(24.380.720.906)	315.158.824.186
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	956.698.130	(322.000.000)	5.968.839.113	6.603.537.243
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	7.401.477.135	110.464.895	-	7.511.942.030
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	27.677.407.535	1.271.094.559	(9.390.059.715)	19.558.442.379
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	14.986.429.633	-	(9.021.822.078)	5.964.607.555

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2015			Đã điều chỉnh lại VND
	Theo báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước VND (a)	Điều chỉnh sai sót năm trước VND (b)	
Giá vốn hàng bán	2.052.912.144.526	-	4.211.370.434	2.057.123.514.960
Chi phí tài chính	41.554.910.429	(1.610.000.000)	-	39.944.910.429
Chi phí bán hàng	292.662.881.562	128.523.936	-	292.791.405.498
Chi phí quản lý doanh nghiệp	117.926.094.492	(106.850.294)	-	117.819.244.198
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28.957.300.335	(4.768.201)	-	28.952.532.134
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(23.203.135)	322.000.000	(926.501.495)	(627.704.630)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	97.272.847.666	1.271.094.559	(3.284.868.939)	95.259.073.286
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông của công ty mẹ	88.569.418.197	1.271.094.559	(1.675.283.159)	88.165.229.597
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.759	22	(240)	1.541

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

	2015			
	Theo báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước VND (a)	Điều chỉnh sai sót năm trước VND (b)	Đã điều chỉnh lại VND
Lợi nhuận trước thuế	126.206.944.866	1.588.326.358	(4.211.370.434)	123.583.900.790
Các khoản dự phòng	(21.425.250.759)	(1.716.850.294)	-	(23.142.101.053)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	143.154.499.776	(128.523.936)	(4.211.370.434)	138.814.605.406
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	132.010.957.220	128.523.936		132.139.481.156
Biến động chi phí trả trước	(20.830.915.236)	-	4.211.370.434	(16.619.544.802)

Người lập:



Phan Quang Thành
Kế toán tổng hợp

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người duyệt:



Đỗ Thị Vân Chi
Trưởng phòng Kế toán Tài chính



Vũ Hồng Khánh
Tổng Giám đốc

